TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 273/2019/DS-PT
Ngày: 08-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Bà Đỗ Thị Hòa

2. Bà Trần Thị Kim Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cảm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/DSPT ngày 25/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 646/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1255/2019/QĐ-PT ngày 20/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Trụ sở: 47 T, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: 62A CMTT, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức M, sinh năm 1991

2. Bị đơn:

- Ông Võ Thanh B, sinh năm 1967
- Bà Lê Mỹ N, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: 351/8 G, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (Ngân hàng T) có đại diện theo ủy quyền ông Trần Đức M trình bày:

Ngân hàng T đã cấp tín dụng cho ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N theo hợp đồng tín dụng trả góp số NS.CN.09250810 ngày 26/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số NS.CN.09250810/PL.01 ngày 27/7/2012 với số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 26/8/2010 đến ngày 26/8/2015. Mục đích vay là tiêu dùng.

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số Hợp đồng tín dụng trả góp số NS.CN.09250810 ngày 26/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số NS.CN.09250810/PL.01 ngày 27/7/2012, Ngân hàng T đã tiến hành giải ngân cho ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N theo khế ước nhận nợ số NS.CN.09250810/KUNN.01 ngày 26/8/2010.

+ Lãi suất cho vay trong hạn: theo mục 7 của khế ước nhận nợ số NS.CN.09250810/KUNN.01 ngày 26/8/2010, cụ thể: thời gian đầu từ ngày 26/8/2010 đến ngày 27/7/2012 lãi suất vay là 9,9%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn vay. Ngày 27/7/2012 lãi suất thay đổi theo hợp đồng tín dụng số NS.CN.09250810/PL.01 là 18%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150%/năm vay trong hạn.

+ Số tiền phạt của mỗi kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/1 kỳ trễ hạn.

+ Phương thức trả nợ: Lãi trả đều hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

- Biện pháp đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

- Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán như cam kết. Ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N chỉ trả được tiền gốc 117.640.215 đồng, tiền lãi là 76.352.300 đồng, tổng cộng là 193.992.215 đồng trong thời gian từ ngày 26/8/2010 đến ngày 29/5/2013. Sau nhiều lần Ngân hàng T nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 25/5/2017, Ngân hàng T đã có Thông báo thu hồi nợ gửi ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N đề nghị ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N trả toàn bộ khoản nợ đã đến hạn thanh toán cho Ngân hàng T. Tuy nhiên, tính tới nay, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

Tính đến ngày 23/11/2018, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền 425.524.034 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc: 182.359.785 đồng; Lãi trong hạn: 63.214.821 đồng, Lãi quá hạn: 101.709.913 đồng, Phạt chậm trả lãi: 78.239.515 đồng.

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và Kế ước nhận nợ nêu trên nguyên đơn yêu cầu cụ thể như sau:

- Ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N phải trả cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt chậm trả và phạt kỳ trễ hạn) tạm tính đến ngày 23/11/2018 là: 425.524.034 đồng bao gồm: Dư nợ gốc: 182.359.785 đồng, lãi trong hạn: 63.214.821 đồng; lãi quá hạn: 101.709.913 đồng; Phạt chậm trả lãi: 78.239.515 đồng. Thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục tính lãi suất, phí phạt chậm trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất quá hạn và mức phí phạt chậm trả lãi đã thảo thuận tại Hợp đồng và khế ước nhận nợ từ ngày 16/1/2018 đến khi các nghĩa vụ tín dụng được thực hiện đầy đủ.

- Nếu ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N không thanh toán đúng, đủ khoản nợ nói trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng các biện pháp thi hành án theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N trình bày: Ngày 26/8/2010 ông bà có vay của Ngân hàng T số tiền 300.000.000 đồng, do Ngân hàng vào bệnh viện đa khoa Sài Gòn khuyến khích cán bộ nhân viên Ngân hàng cho vay trả góp lãi suất thấp nhằm giúp đỡ cán bộ nhân viên cải thiện cuộc sống.

Sau đó ông bà đã trả góp cho Ngân hàng mỗi tháng 7.475.000 đồng trong thời gian từ ngày 26/8/2010 đến ngày 29/5/2013. Tổng số tiền mà ông B, bà N đã trả là: Tiền gốc là 117.640.215 đồng, tiền lãi là 76.352.300 đồng, tổng cộng là 193.992.215 đồng.

Ông bà thống nhất với Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 182.359.785 đồng

Sau đó gia đình ông bà quá khó khăn, ông bà có xin nhân viên ngân hàng tạm ngưng trả nợ một thời gian thì nhân viên ngân hàng cũng không nói gì, cũng không gửi giấy yêu cầu ông bà trả nợ tiếp, do đó ông bà cũng không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nữa, vì ông bà nghĩ rằng ngân hàng cho luôn số nợ gốc và lãi còn lại, không đòi nữa. Thời gian ngưng trả tiền kéo dài từ tháng 6/2013 cho đến nay. Theo ông bà Ngân hàng là bên có lỗi trong việc không thông báo việc trả lãi và gốc cho ông bà.

Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 21/5/2012 theo ông chữ ký và chữ viết không phải của ông, nhưng ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết này vì ông không có tiền.

Ngày 15/11/2017, ông bà có nhận được thông báo của Ngân hàng T về việc báo nợ và đòi ông bà phải đóng số tiền cả gốc và lãi là 472.340.529 đồng. Ông bà có gửi đơn xin giảm số tiền phải trả thì ngân hàng có báo cho ông bà yêu cầu thanh toán dứt điểm 01 lần số tiền 182.359.785 đồng thì sẽ được xóa nợ.

Hiện nay hoàn cảnh gia đình ông bà rất khó khăn, không có khả năng thanh toán dứt điểm một lần số tiền trên, do đó ông bà yêu cầu ngân hàng xem xét cho ông bà trả nợ theo phương án ông bà sẽ trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 182.359.785 đồng, trả hàng tháng mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xin không trả lãi vì trước đó đã có thời gian đóng tiền gốc và tiền lãi rồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền 425.524.034 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc: 182.3593785 đồng; lãi trong hạn: 63.214.821 đồng; lãi suất quá hạn: 101.709.913 đồng; Phạt chậm

trả lãi: 78.239.515 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn cho rằng chỉ còn nợ số tiền gốc là 182.359.785 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng vì Ngân hàng có lỗi trong việc không nhắc nhở ông bà trả tiền theo đúng kỳ hạn. Bị đơn xin trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc cộng với 20.000.000 đồng tiền lãi, trả hàng tháng mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất trong thời gian từ ngày 26/8/2010 đến ngày 29/5/2013 tổng số tiền mà ông B và bà N đã trả là: Tiền gốc là 117.640.215 đồng, tiền lãi là 76.352.300 đồng, tổng cộng là 193.992.215 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 182.359.785 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng trình tự, thủ tục, đúng qui định. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều có năng lực tố tụng dân sự và năng lực hành vi dân sự. Đối tượng khởi kiện vụ án mà Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án số 646/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận S đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N.

Buộc ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 347.284.519 đồng, bao gồm nợ gốc: 182.359.785 đồng; 63.214.821 đồng; lãi quá hạn: 101.709.913 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc đòi số tiền phạt chậm trả lãi là 78.239.515 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tính lãi và do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả góp 5.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N không rút đơn kháng cáo. Ngân hàng không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông B và bà N trình bày nội dung kháng cáo: Ông bà cho rằng ngân hàng tính lãi 18%/năm là quá cao so với qui định của pháp luật. Cụ thể khoản tiền lãi quá hạn là 101.709.913đ và tiền lãi trong hạn là 63.214.821đ. Mặt khác, hiện nay gia đình khó khăn nên xin trả số tiền gốc là 182.359.785 đồng và trả góp 8.000.000 đồng/tháng.

Ngân hàng T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông B và bà N vì cho rằng khi ký hợp đồng tín dụng điều khoản về tiền lãi và lãi chậm trả đã được thỏa thuận rõ. Ông bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ông bà phải trả theo thỏa thuận hợp đồng. Mặt khác, số tiền ngân hàng cho ông bà vay đã quá thời hạn thỏa thuận nên ngân hàng cũng cần thu hồi vốn nên không thể đồng ý cho ông bà trả góp 8.000.000 đồng/tháng.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn yêu cầu y bản án sơ thẩm. Bị đơn trình bày: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nuôi mẹ già và hai con ăn học. Bản thân bà N đau yếu nên xin trả số tiền gốc là 182.359.785 đồng và trả góp 8.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của bà N, ông B làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông B và bà N về phần án phí do gia đình ông bà có sổ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện nay bà N đã già yếu bệnh tật nên căn cứ qui định của pháp luật sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Các nội dung khác giữ nguyên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của bà N, ông B làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 27/7/2012 ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N theo hợp đồng tín dụng trả góp số NS.CN.09250810 ngày 26/8/2010 và Phụ lục hợp đồng số NS.CN.09250810/PL.01 vay Ngân hàng T với số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 26/8/2010 đến ngày 26/8/2015. Mục đích vay là tiêu dùng. Lãi suất cho vay là 9,9%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn vay. Ngày 27/7/2012, lãi suất thay đổi theo phụ lục hợp đồng tín dụng số NS.CN.09250810/PL.01 là 18%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất

vay trong hạn. Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/1 kỳ trễ hạn. Phương thức trả nợ: Lãi trả đều hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Không có tài sản đảm bảo. Các đương sự cùng thống nhất trong thời gian từ ngày 26/8/2010 đến tháng 29/5/2013 ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N đã trả được tiền gốc là 117.640.215 đồng, tiền lãi là 76.352.300 đồng, tổng cộng là 193.992.215 đồng. Sau ngày 29/5/2013, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng T nữa. Như vậy ông B và bà N đã không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 285, 290, 292 Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đòi bị đơn trả tiền nợ gốc: 182.359.785 đồng; 36.214.821 đồng lãi; lãi quá hạn: 101.709.913 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Như vậy, lãi trong hạn và lãi qúa hạn được tính như trong bản án sơ thẩm là đúng như thỏa thuận hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và bà N cũng không đưa ra được chứng cứ về sự thỏa thuận nào khác. Do đó kháng cáo của ông B và bà N xin trả gốc nợ gốc: 182.359.785 đồng và xin trả góp 8.000.000 đồng/tháng là không có cơ sở chấp nhận.

Về phần án phí dân sự sơ thẩm: Do ông B và bà N thuộc diện hộ nghèo tại địa phương, có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện nay ông bà tuổi đã cao lại bệnh tật nên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bình và bà Nguyệt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bình và bà Nguyệt, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm nên ông B và bà N không phải nộp. Hoàn lại cho ông B và bà N mỗi người 300.000 đồng theo biên lai đã nộp.

Hoàn 300.000 đồng của ông bà đã nộp theo hai biên lai thu số 010563 ngày 07/12/2018 và biên lai số 010564 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 285, 290, 302, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần T đối với ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N.

Buộc ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần T số tiền 347.284.519 đồng.(gồm nợ gốc: 182.359.785 đồng; 63.214.821 đồng lãi và lãi quá hạn: 101.709.913 đồng)

2/ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về việc đòi số tiền phạt chậm trả lãi là 78.239.515 đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N không phải nộp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T phải nộp 3.911.975 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028781 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được nhận lại 7.781.837 đồng.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Võ Thanh B 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 010563 ngày 07/12/2018 và bà Lê Mỹ Nguyệt 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 010564 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Thanh B và bà Lê Mỹ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cha vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.S;
- TAND Q.S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung